

Số: 4068/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 19141/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 994 /TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, như sau:

1. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Homn Reen (Việt Nam), địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 227 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 227.000.000 đồng; 60 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (65 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là

65.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 292.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn).

2. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Xây dựng Linh Hà Nam, địa chỉ: Số 108/1, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 03 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng; 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (03 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn).

3. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Sơn Nam Việt, địa chỉ: Số 7B/12, khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 10 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 10.000.000 đồng; 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn).

4. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Cơ khí xây dựng Như Ngàn, địa chỉ: Số 39/79A, đường Nguyễn Văn Lung, khu phố Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 03 người lao động ngừng việc với tổng kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

5. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH SXTM Ngôi sao, địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 24 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 24.000.000 đồng; 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (07 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng chẵn).

6. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH MTV Lam Anh, địa chỉ: Số 372, đường Ngô Quyền, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 03 người lao động ngừng việc với tổng kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

7. Người lao động ngừng việc của Công ty Cổ phần Đào tạo - Cung ứng Nguồn nhân lực Win Next, địa chỉ: Số 28, đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố Đồng Nai, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 08 người lao động ngừng việc với tổng kinh phí hỗ trợ là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

8. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai I, địa chỉ: Số 398A, đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 07 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng; 04 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (04 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn).

9. Người lao động ngừng việc của Công ty Cổ phần Công nghệ cao, địa chỉ: Đường số 7, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 12 người lao động ngừng việc với tổng kinh phí hỗ trợ là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn).

10. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Metecno (Việt Nam), địa chỉ: Số 13, đường 16A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 06 người lao động ngừng việc với kinh



phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng; 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (03 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH HOMN REEN VIỆT NAM**  
(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                         | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc  | Loại hợp đồng lao động    | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/Đ/nghỉ không hưởng |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Số CMND/thẻ căn cước công dân | Tên tài khoản        | Số tài khoản  | Ngân hàng   |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|---------------------------|------------|--------------------------------------------|--------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|-------------|
|                                            |                      |                                  |                           |            | Từ ngày tháng năm                          | Đến ngày tháng năm |                            |                               |                      |               |             |
| (1)                                        | (2)                  | (3)                              | (4)                       | (5)        | (6)                                        | (7)                | (8)                        | (9)                           | (10)                 | (11)          | (12)        |
| <b>I. Hồ trợ người lao động ngừng việc</b> |                      |                                  |                           |            |                                            |                    |                            |                               |                      |               |             |
| 1                                          | Võ Thị Bé Hai        | Nhân viên Tập vụ                 | Không xác định thời hạn   | 7515023318 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 380849833                     | Võ Thị Bé Hai        | 0481000765441 | VIETCOMBANK |
| 2                                          | Đặng Thị Hà          | Trợ lý Phòng Quản lý             | Không xác định thời hạn   | 7515041562 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272210054                     | Đặng Thị Hà          | 0481000783595 | VIETCOMBANK |
| 3                                          | Nguyễn Thị Yến       | Nhân viên Kế toán                | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515109072 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272148407                     | Nguyễn Thị Yến       | 0481000858506 | VIETCOMBANK |
| 4                                          | Nguyễn Văn Nam       | Nhân viên Tài Xế                 | Xác định thời hạn - 1 năm | 7508161847 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272200484                     | Nguyễn Văn Nam       | 0481000472060 | VIETCOMBANK |
| 5                                          | Nguyễn Thị Thanh Hào | Nhân viên Xuất Nhập Sự           | Xác định thời hạn - 1 năm | 9713349169 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 186855477                     | Nguyễn Thị Thanh Hào | 0001013887466 | VIETCOMBANK |
| 6                                          | Nguyễn Thị Hằng      | Nhân Viên Tổng Vụ                | Xác định thời hạn - 1 năm | 0206024901 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272855998                     | Nguyễn Thị Hằng      | 0071003708760 | VIETCOMBANK |
| 7                                          | Nguyễn Thị Vỹ        | Nhân viên bộ phận Kế toán        | Xác định thời hạn - 1 năm | 4013021109 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 186966372                     | Nguyễn Thị Vỹ        | 0001021152667 | VIETCOMBANK |
| 8                                          | Đỗ Thị Hà            | Nhân viên bộ phận Thu Mua        | Xác định thời hạn - 1 năm | 4705062665 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 111873378                     | Đỗ Thị Hà            | 0121000398704 | VIETCOMBANK |
| 9                                          | Hoàng Thị Bích Thủy  | Nhân viên bộ phận xuất nhập khẩu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514182963 | 17/07/2021                                 | 15/09/2021         | 1.000.000                  | 272061857                     | Hoàng Thị Bích Thủy  | 0481000794431 | VIETCOMBANK |

|    |                     |                             |                           |            |            |            |           |           |                     |               |             |
|----|---------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|---------------------|---------------|-------------|
| 10 | Trần Văn Hưng Thịnh | Nhân viên bộ phận Nghiệp vụ | Xác định thời hạn - 1 năm | 7524273177 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272684399 | Trần Văn Hưng Thịnh | 0481000894427 | VIETCOMBANK |
| 11 | Đỗ Anh Trọng        | Nhân viên nghiệp vụ         | Xác định thời hạn - 1 năm | 7523294749 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272697026 | Đỗ Anh Trọng        | 0481000904378 | VIETCOMBANK |
| 12 | Phạm Bá Thành       | Công nhân bộ phận Thợ hàn   | Không xác định thời hạn   | 7508180919 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272870026 | Phạm Bá Thành       | 0121000649899 | VIETCOMBANK |
| 13 | Triệu Mạnh Tú       | Công nhân bộ phận Bảo trì   | Không xác định thời hạn   | 7510125042 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060802873 | Triệu Mạnh Tú       | 0481000780443 | VIETCOMBANK |
| 14 | Nguyễn Kim Toàn     | Công nhân bộ phận Bảo trì   | Không xác định thời hạn   | 7515017595 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221270868 | Nguyễn Kim Toàn     | 0481000756184 | VIETCOMBANK |
| 15 | Diệp Văn Dũng       | Công nhân bộ phận Bảo dưỡng | Không xác định thời hạn   | 7513041029 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385797305 | Diệp Văn Dũng       | 0481000786619 | VIETCOMBANK |
| 16 | Hồ Xuân Long        | Công nhân bộ phận Bảo dưỡng | Không xác định thời hạn   | 7914097533 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 186050262 | Hồ Xuân Long        | 0481000824853 | VIETCOMBANK |
| 17 | Trần Thanh Nghiê    | Công nhân bộ phận Thợ hàn   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516014059 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371099166 | Trần Thanh Nghiê    | 0481000824851 | VIETCOMBANK |
| 18 | Trần Văn Trung      | Công nhân bộ phận Thợ hàn   | Xác định thời hạn - 1 năm | 4707151484 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371099168 | Trần Văn Trung      | 0481000864374 | VIETCOMBANK |
| 19 | Tôn Nam Xăng        | Công Nhân bộ phận Bảo dưỡng | Xác định thời hạn - 1 năm | 9623061851 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381040206 | Tôn Nam Xăng        | 0481000896583 | VIETCOMBANK |
| 20 | Huỳnh Thanh Nghi    | Công nhân bộ phận Thợ Điện  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515104566 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381636002 | Huỳnh Thanh Nghi    | 0481000850215 | VIETCOMBANK |
| 21 | Vũ Công Tỉnh        | Công nhân Thợ điện          | Xác định thời hạn - 1 năm | 7411220223 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 172423057 | Vũ Công Tỉnh        | 1015671652    | VIETCOMBANK |
| 22 | Đinh Phước Tron     | Công nhân bộ phận Thợ hàn   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622913124 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381572798 | Đinh Phước Tron     | 0001015258173 | VIETCOMBANK |
| 23 | Phan Thanh Rác      | Công nhân bộ phận Thợ hàn   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513155879 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381623028 | Phan Thanh Rác      | 0481000692046 | VIETCOMBANK |

|    |                  |                           |                           |            |            |            |           |           |                  |               |             |
|----|------------------|---------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|------------------|---------------|-------------|
| 24 | Nông Văn Soái    | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7509048451 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060827946 | Nông Văn Soái    | 0481000648788 | VIETCOMBANK |
| 25 | Phạm Văn Hân     | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7509135084 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 172247564 | Phạm Văn Hân     | 0481000693526 | VIETCOMBANK |
| 26 | Võ Toàn Em       | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 7509062532 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385450968 | Võ Toàn Em       | 0481000864384 | VIETCOMBANK |
| 27 | Nguyễn Duy Linh  | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622469544 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381858338 | Nguyễn Duy Linh  | 0481000878766 | VIETCOMBANK |
| 28 | Biện Nhưt Huy    | Công Nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622748342 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 382015694 | Biện Nhưt Huy    | 0481000904633 | VIETCOMBANK |
| 29 | Trần Hoài Hân    | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 7509053945 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371086969 | Trần Hoài Hân    | 0481000918205 | VIETCOMBANK |
| 30 | Phạm Minh Lâm    | Công nhân bộ phận Đập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9122844754 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371311062 | Phạm Minh Lâm    | 0481000898210 | VIETCOMBANK |
| 31 | Trần Tiến Thành  | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7511018484 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 271608235 | Trần Tiến Thành  | 0481000617776 | VIETCOMBANK |
| 32 | Hoàng Văn Vinh   | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7509075246 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 271909595 | Hoàng Văn Vinh   | 0481000622017 | VIETCOMBANK |
| 33 | Vương Văn Khuynh | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7511082744 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060787626 | Vương Văn Khuynh | 0481000660069 | VIETCOMBANK |
| 34 | Trịnh Trung Đông | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7512042001 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 205490694 | Trịnh Trung Đông | 0481000660070 | VIETCOMBANK |
| 35 | Trần Văn Tây     | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7509022547 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381435052 | Trần Văn Tây     | 0481000816285 | VIETCOMBANK |
| 36 | Nguyễn Quang Thu | Công nhân bộ phận Cán Ren | Không xác định thời hạn   | 7508164342 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060831962 | Nguyễn Quang Thu | 0481000741368 | VIETCOMBANK |
| 37 | Nguyễn Ngọc Kha  | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 4706046631 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 271608099 | Nguyễn Ngọc Kha  | 0481000853700 | VIETCOMBANK |

|    |                    |                             |                           |            |            |            |           |           |                    |               |             |
|----|--------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|--------------------|---------------|-------------|
| 38 | Hồ Văn Lầu         | Công nhân bộ phận Cán Ren E | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513018121 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352349259 | Hồ Văn Lầu         | 0481000901875 | VIETCOMBANK |
| 39 | Ngô Minh Toàn      | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622154517 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381014780 | Ngô Minh Toàn      | 1015468190    | VIETCOMBANK |
| 40 | Cao Tuấn Anh       | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621778407 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381636064 | Cao Tuấn Anh       | 0001013882722 | VIETCOMBANK |
| 41 | Nguyễn Bá Toàn     | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7511120523 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272081822 | Nguyễn Bá Toàn     | 0481000617761 | VIETCOMBANK |
| 42 | Nguyễn Hữu Luân    | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514156799 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371780909 | Nguyễn Hữu Luân    | 1017425316    | VIETCOMBANK |
| 43 | Phạm Minh Lộc      | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516145422 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 152229409 | Phạm Minh Lộc      | 0001014101842 | VIETCOMBANK |
| 44 | Hồ Văn Đức         | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 8925697039 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352711506 | Hồ Văn Đức         | 0001014063032 | VIETCOMBANK |
| 45 | Dương Văn Dây      | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515108801 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 363897095 | Dương Văn Dây      | 0481000727486 | VIETCOMBANK |
| 46 | Hoàng Văn Nước     | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 1511003116 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060787562 | Hoàng Văn Nước     | 0001015356932 | VIETCOMBANK |
| 47 | Trương Chí Tinh    | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622393225 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381973852 | Trương Chí Tinh    | 0001019529245 | VIETCOMBANK |
| 48 | Bùi Văn Kim        | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9122055912 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371794213 | Bùi Văn Kim        | 0911000055332 | VIETCOMBANK |
| 49 | Chau Lê Hoàng Vinh | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 8925158794 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352561925 | Chau Lê Hoàng Vinh | 0481000907638 | VIETCOMBANK |
| 50 | Đỗ Viết Lim        | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 6624371233 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 241524330 | Đỗ Viết Lim        | 0001021184643 | VIETCOMBANK |
| 51 | Danh Khương Tín    | Công nhân bộ phận Cán Ren   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9123669209 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371911977 | Danh Khương Tín    | 0001021152941 | VIETCOMBANK |



|    |                   |                           |                           |            |            |            |           |              |                   |               |             |
|----|-------------------|---------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|-------------------|---------------|-------------|
| 52 | Phạm Minh Khang   | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516053525 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371644868    | Phạm Minh Khang   | 5.90321E+12   | AGRIBANK    |
| 53 | Lê Văn Tuấn       | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 3821526997 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 038091006366 | Lê Văn Tuấn       | 9398621790    | VIETCOMBANK |
| 54 | Trần Thanh Nhân   | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 9122897787 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371922599    | Trần Thanh Nhân   | 0001021238715 | VIETCOMBANK |
| 55 | Nguyễn Văn Tiến   | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 7512029224 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060802843    | Nguyễn Văn Tiến   | 0481000777016 | VIETCOMBANK |
| 56 | Nguyễn Thăng Long | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 4217190486 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 184393459    | Nguyễn Thăng Long | 0101001222368 | VIETCOMBANK |
| 57 | Trần Văn Vũ       | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516218998 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351747975    | Trần Văn Vũ       | 0481000841446 | VIETCOMBANK |
| 58 | Trương Bê Hùng    | Công nhân bộ phận Cán Ren | Xác định thời hạn - 1 năm | 9122869916 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371067066    | Trương Bê Hùng    | 0009854445909 | VIETCOMBANK |
| 59 | Nguyễn Văn Cường  | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7511004184 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 183852080    | Nguyễn Văn Cường  | 0481000617748 | VIETCOMBANK |
| 60 | Nguyễn Thanh Thảo | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7512063402 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 191762313    | Nguyễn Thanh Thảo | 0481000671564 | VIETCOMBANK |
| 61 | Ví Văn Nhai       | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7509039686 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060872832    | Ví Văn Nhai       | 0481000709346 | VIETCOMBANK |
| 62 | Trần Văn Huy      | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7510196571 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 186897554    | Trần Văn Huy      | 0481000715227 | VIETCOMBANK |
| 63 | Đinh Trọng Giang  | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7514028877 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 186425290    | Đinh Trọng Giang  | 0481000732624 | VIETCOMBANK |
| 64 | Nguyễn Công Quân  | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7514042283 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187469468    | Nguyễn Công Quân  | 0481000737593 | VIETCOMBANK |
| 65 | Hoàng Văn Nghĩa   | Công nhân bộ phận Dập đầu | Không xác định thời hạn   | 7516016837 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 184163248    | Hoàng Văn Nghĩa   | 0481000788164 | VIETCOMBANK |

|    |                   |                             |                           |            |            |            |           |           |                   |               |             |
|----|-------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|-------------------|---------------|-------------|
| 66 | Liêu Lợi          | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513056186 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371528604 | Liêu Lợi          | 0481000838099 | VIETCOMBANK |
| 67 | Nguyễn Văn Trọng  | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516102742 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 365467274 | Nguyễn Văn Trọng  | 0481000843926 | VIETCOMBANK |
| 68 | Nguyễn Văn Thân   | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515055228 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 184123140 | Nguyễn Văn Thân   | 0481000777024 | VIETCOMBANK |
| 69 | Trần Hoàng Vững   | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9522030284 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385641201 | Trần Hoàng Vững   | 0481000871149 | VIETCOMBANK |
| 70 | Hoàng Văn Quân    | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 1520960442 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060792779 | Hoàng Văn Quân    | 0481000866244 | VIETCOMBANK |
| 71 | Trần Hoàng Thuận  | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7513024057 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371463378 | Trần Hoàng Thuận  | 0481000857892 | VIETCOMBANK |
| 72 | Phạm Quốc Chánh   | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622991154 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381805105 | Phạm Quốc Chánh   | 0481000878775 | VIETCOMBANK |
| 73 | Nguyễn Văn Nhanh  | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9121810813 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371552484 | Nguyễn Văn Nhanh  | 0481000898207 | VIETCOMBANK |
| 74 | Nguyễn Văn Lực    | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 9106181532 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 182550677 | Nguyễn Văn Lực    | 0481000682854 | VIETCOMBANK |
| 75 | Phan Xuân Hùng    | Công nhân vận hành Cầu trục | Không xác định thời hạn   | 7512070091 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 183936840 | Phan Xuân Hùng    | 0481000682863 | VIETCOMBANK |
| 76 | Đặng Minh Tuấn    | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7511004185 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351606620 | Đặng Minh Tuấn    | 0481000617749 | VIETCOMBANK |
| 77 | Nguyễn Văn Trọng  | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Không xác định thời hạn   | 7511009063 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 073182463 | Nguyễn Văn Trọng  | 0481000622039 | VIETCOMBANK |
| 78 | Nguyễn Thanh Xuân | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Không xác định thời hạn   | 7409176528 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381374533 | Nguyễn Thanh Xuân | 0281001534754 | VIETCOMBANK |
| 79 | Nguyễn Văn Đồng   | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Không xác định thời hạn   | 7512076179 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 184215180 | Nguyễn Văn Đồng   | 0481000682889 | VIETCOMBANK |



|    |                      |                             |                           |            |            |            |           |           |                      |               |             |
|----|----------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|----------------------|---------------|-------------|
| 80 | Lưu Minh Tuấn        | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Không xác định thời hạn   | 7514035574 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381802739 | Lưu Minh Tuấn        | 0481000783599 | VIETCOMBANK |
| 81 | Nguyễn Trần Anh Dũng | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516077942 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 240957422 | Nguyễn Trần Anh Dũng | 0481000824859 | VIETCOMBANK |
| 82 | Trần Văn Hiếu        | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516077946 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385488791 | Trần Văn Hiếu        | 0481000832195 | VIETCOMBANK |
| 83 | Triều Văn Bồn        | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 1520231664 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 061070979 | Triều Văn Bồn        | 0481000843997 | VIETCOMBANK |
| 84 | Nguyễn Văn Phúc      | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515100266 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 183913622 | Nguyễn Văn Phúc      | 0481000849825 | VIETCOMBANK |
| 85 | Đỗ Huy Chung         | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7512018420 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 174328319 | Đỗ Huy Chung         | 0001013727451 | VIETCOMBANK |
| 86 | Trần Văn Lương       | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516063795 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371815494 | Trần Văn Lương       | 0481000882081 | VIETCOMBANK |
| 87 | Lê Quốc Minh         | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514061963 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272317059 | Lê Quốc Minh         | 0481000885993 | VIETCOMBANK |
| 88 | Đoàn Văn Quảng       | Công Nhân bộ phận Dập Đầu F | Xác định thời hạn - 1 năm | 7526754580 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272678760 | Đoàn Văn Quảng       | 0481000895969 | VIETCOMBANK |
| 89 | Vì Đức Duy           | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516046154 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060963249 | Vì Đức Duy           | 0481000824191 | VIETCOMBANK |
| 90 | Nguyễn Hữu Phúc      | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515011090 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 183491752 | Nguyễn Hữu Phúc      | 0481000867131 | VIETCOMBANK |
| 91 | Nguyễn Trung Trục    | Công Nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9211008559 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 363513298 | Nguyễn Trung Trục    | 0481000893758 | VIETCOMBANK |
| 92 | Phạm Văn Sơn         | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7512031405 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385434719 | Phạm Văn Sơn         | 0481000868451 | VIETCOMBANK |
| 93 | Huỳnh Chí Linh       | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514038890 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352412851 | Huỳnh Chí Linh       | 0481000882091 | VIETCOMBANK |

|     |                   |                           |                           |            |            |            |           |              |                   |               |             |
|-----|-------------------|---------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|-------------------|---------------|-------------|
| 94  | Nguyễn Văn Soạn   | Công nhân bộ phận Dập Đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516207589 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381511047    | Nguyễn Văn Soạn   | 0481000882040 | VIETCOMBANK |
| 95  | Nguyễn Minh Nhật  | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9422843518 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366094492    | Nguyễn Minh Nhật  | 0001020631545 | VIETCOMBANK |
| 96  | Nguyễn Hải Trình  | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7914116936 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366119684    | Nguyễn Hải Trình  | 0001021152504 | VIETCOMBANK |
| 97  | Trần Văn Kha      | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9521468651 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385860559    | Trần Văn Kha      | 0001020010645 | VIETCOMBANK |
| 98  | Lý Minh Thuận     | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7526713989 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272226617    | Lý Minh Thuận     | 0481000861101 | VIETCOMBANK |
| 99  | Ngô Văn Trung     | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 4420884141 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 044088002949 | Ngô Văn Trung     | 0001020011177 | VIETCOMBANK |
| 100 | Nguyễn Văn Kiên   | Công nhân bộ phận Dập Đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7410205619 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385481818    | Nguyễn Văn Kiên   | 0001020008692 | VIETCOMBANK |
| 101 | Thần Văn Dũng     | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 6623417864 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 241544090    | Thần Văn Dũng     | 9948946718    | VIETCOMBANK |
| 102 | Phan Khánh Duy    | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621629013 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381775420    | Phan Khánh Duy    | 0481000896574 | VIETCOMBANK |
| 103 | Trần Văn Đan      | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621996331 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 382030184    | Trần Văn Đan      | 1020658239    | VIETCOMBANK |
| 104 | Trần Văn Lém      | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621889900 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381923636    | Trần Văn Lém      | 0001021026508 | VIETCOMBANK |
| 105 | Nguyễn Văn Học    | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 4018630338 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187735539    | Nguyễn Văn Học    | 1020658810    | VIETCOMBANK |
| 106 | Vương Đình Sáu    | Công nhân bộ phận Dập đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 1520154906 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060997688    | Vương Đình Sáu    | 0481000851380 | VIETCOMBANK |
| 107 | Nguyễn Hoàng Thái | Công nhân bộ phận Dập Đầu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622949304 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381973517    | Nguyễn Hoàng Thái | 0001017570094 | VIETCOMBANK |

|     |                   |                             |                           |            |            |            |           |              |                   |               |             |
|-----|-------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|-------------------|---------------|-------------|
| 108 | Đặng Văn Kỳ       | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 402440343  | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187726349    | Đặng Văn Kỳ       | 0001020031864 | VIETCOMBANK |
| 109 | Nguyễn Hải Đăng   | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7912186613 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366058932    | Nguyễn Hải Đăng   | 0481000898219 | VIETCOMBANK |
| 110 | Trần Văn Cung     | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7510169767 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371501927    | Trần Văn Cung     | 0481000810616 | VIETCOMBANK |
| 111 | Bạo Văn Du        | Công nhân vận hành Cầu trục | Không xác định thời hạn   | 7510178582 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060872865    | Bạo Văn Du        | 0481000647224 | VIETCOMBANK |
| 112 | Vĩ Quốc Bảo       | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7508111705 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060867891    | Vĩ Quốc Bảo       | 0481000696215 | VIETCOMBANK |
| 113 | Danh Toàn         | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7512076178 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371763852    | Danh Toàn         | 0481000696224 | VIETCOMBANK |
| 114 | Nguyễn Thanh Tùng | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Không xác định thời hạn   | 7516028199 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 092080001177 | Nguyễn Thanh Tùng | 0481000792830 | VIETCOMBANK |
| 115 | Nguyễn Văn Đậu    | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9121782707 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371639835    | Nguyễn Văn Đậu    | 0481000868441 | VIETCOMBANK |
| 116 | Triệu Viết Mới    | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7510124973 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060961116    | Triệu Viết Mới    | 0481000901878 | VIETCOMBANK |
| 117 | Tô Hoàng Thắm     | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622937799 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381880503    | Tô Hoàng Thắm     | 1015890308    | VIETCOMBANK |
| 118 | Nguyễn Văn Diên   | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621530757 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381303264    | Nguyễn Văn Diên   | 0001014930360 | VIETCOMBANK |
| 119 | Lâm Lập Phim      | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621610951 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381228847    | Lâm Lập Phim      | 0001014930106 | VIETCOMBANK |
| 120 | Phan Chí Cường    | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 8421418344 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 334135642    | Phan Chí Cường    | 1017790445    | VIETCOMBANK |
| 121 | Nguyễn Minh Vẹn   | Công nhân bộ phận Dập Đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7409139983 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381486978    | Nguyễn Minh Vẹn   | 0001018238981 | VIETCOMBANK |

|     |                   |                             |                           |            |            |            |           |              |                   |               |             |
|-----|-------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|-------------------|---------------|-------------|
| 122 | Danh Xanh         | Công nhân bộ phận Dập đầu   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9321465364 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 363666120    | Danh Xanh         | 0001021152344 | VIETCOMBANK |
| 123 | Phạm Thị Loan     | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Không xác định thời hạn   | 7511004181 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 380897737    | Phạm Thị Loan     | 0481000617742 | VIETCOMBANK |
| 124 | Nguyễn Thị Huyện  | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Không xác định thời hạn   | 7509015097 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060872887    | Nguyễn Thị Huyện  | 0481000659724 | VIETCOMBANK |
| 125 | Nguyễn Thị Lý     | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Không xác định thời hạn   | 7513051941 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 194313142    | Nguyễn Thị Lý     | 4.81001E+11   | VIETCOMBANK |
| 126 | Huỳnh Văn Lực     | Công nhân vận hành Cầu trục | Không xác định thời hạn   | 7515002786 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221292349    | Huỳnh Văn Lực     | 0481000752612 | VIETCOMBANK |
| 127 | Hà Như ý          | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Không xác định thời hạn   | 7513056191 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381551509    | Hà Như ý          | 0431000204025 | VIETCOMBANK |
| 128 | Mạnh Lê Hào       | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Không xác định thời hạn   | 5214010690 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221215646    | Mạnh Lê Hào       | 0431000204358 | VIETCOMBANK |
| 129 | Nguyễn Thị Hằng   | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Không xác định thời hạn   | 7514040045 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272647460    | Nguyễn Thị Hằng   | 0481000780757 | VIETCOMBANK |
| 130 | Lê Thị Thanh      | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Không xác định thời hạn   | 7510078372 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 276079867    | Lê Thị Thanh      | 0481000647221 | VIETCOMBANK |
| 131 | Huỳnh Thị Như Lệ  | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515023324 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 054194000444 | Huỳnh Thị Như Lệ  | 0431000238546 | VIETCOMBANK |
| 132 | Mạnh Thị Cẩm Tú   | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516089687 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221130550    | Mạnh Thị Cẩm Tú   | 0481000843932 | VIETCOMBANK |
| 133 | Lâm Thị Thúy Kiều | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 5214010688 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221309700    | Lâm Thị Thúy Kiều | 0431000204281 | VIETCOMBANK |
| 134 | Trần Thị Thơm     | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514163451 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381850358    | Trần Thị Thơm     | 0481000843927 | VIETCOMBANK |
| 135 | Hoàng Thị Huệ     | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 4018008944 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 186330268    | Hoàng Thị Huệ     | 0481000843990 | VIETCOMBANK |

|     |                       |                            |                           |            |            |            |           |           |                       |               |             |
|-----|-----------------------|----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|-----------------------|---------------|-------------|
| 136 | Đặng Văn Tiến         | Công nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513009699 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 365061793 | Đặng Văn Tiến         | 0481000851381 | VIETCOMBANK |
| 137 | Nguyễn Hoàng Nhất     | Công Nhân bộ phận Dập Đầu  | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622911764 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381947216 | Nguyễn Hoàng Nhất     | 0481000871653 | VIETCOMBANK |
| 138 | Trương Thị Chi        | Công nhân bộ phận Đóng gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515112619 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381850018 | Trương Thị Chi        | 0481000864377 | VIETCOMBANK |
| 139 | Trần Văn Bền          | Công nhân bộ phận Đóng gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 9522063919 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385685063 | Trần Văn Bền          | 0481000873350 | VIETCOMBANK |
| 140 | Lương Văn Tùng        | Công nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513016724 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 174923877 | Lương Văn Tùng        | 0481000696201 | VIETCOMBANK |
| 141 | Lê Thủy Kiều          | Công nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515104618 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385614113 | Lê Thủy Kiều          | 0001015891097 | VIETCOMBANK |
| 142 | Lang Thị Trà          | Công Nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 3022684383 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187577986 | Lang Thị Trà          | 0481000888967 | VIETCOMBANK |
| 143 | Phạm Thị Thơ          | Công nhân bộ phận Đóng gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515106711 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371073823 | Phạm Thị Thơ          | 0481000904700 | VIETCOMBANK |
| 144 | Vô Văn Lực            | Công nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 4420676154 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 194372620 | Vô Văn Lực            | 0481000868472 | VIETCOMBANK |
| 145 | Nguyễn Chí Thanh      | Công Nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 5420294260 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221373255 | Nguyễn Chí Thanh      | 0481000896581 | VIETCOMBANK |
| 146 | Trần Thị Kiều Loan    | Công Nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516071069 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381325284 | Trần Thị Kiều Loan    | 0001014982626 | VIETCOMBANK |
| 147 | Hồ Thị Huyền          | Công Nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514150026 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 061164056 | Hồ Thị Huyền          | 0481000900592 | VIETCOMBANK |
| 148 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | Công Nhân bộ phận Đóng Gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 7526241771 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371385727 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | 0481000905536 | VIETCOMBANK |
| 149 | Trần Thảo Như         | Công nhân bộ phận Đóng gói | Xác định thời hạn - 1 năm | 9623072625 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381993381 | Trần Thảo Như         | 1015474119    | VIETCOMBANK |

|     |                       |                             |                           |            |            |            |           |              |                       |               |             |
|-----|-----------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|
| 150 | Nguyễn Văn Vạn        | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 9623077699 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381931099    | Nguyễn Văn Vạn        | 0481000898212 | VIETCOMBANK |
| 151 | Nguyễn Thị Tào        | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7511180666 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 038190021587 | Nguyễn Thị Tào        | 0481000824856 | VIETCOMBANK |
| 152 | Danh Thị Ngọc Bích    | Công nhân bộ phận Đóng gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 9422857429 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366076857    | Danh Thị Ngọc Bích    | 0481000898226 | VIETCOMBANK |
| 153 | Nguyễn Thị Diễm Nhung | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622978894 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381906926    | Nguyễn Thị Diễm Nhung | 0001017935058 | VIETCOMBANK |
| 154 | Võ Xuân Hoàng         | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 5420280376 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221382564    | Võ Xuân Hoàng         | 0001017790939 | VIETCOMBANK |
| 155 | Nguyễn Nhứt Duy       | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516118525 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366203893    | Nguyễn Nhứt Duy       | 0481000834104 | VIETCOMBANK |
| 156 | Trần Minh Kha         | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514027384 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 363900432    | Trần Minh Kha         | 0481000775636 | VIETCOMBANK |
| 157 | Võ Thị Thai           | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 7511181698 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381421084    | Võ Thị Thai           | 1020987615    | VIETCOMBANK |
| 158 | Huỳnh Thị Lý          | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 9122871951 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 370972960    | Huỳnh Thị Lý          | 0009855532404 | VIETCOMBANK |
| 159 | Thường Thị Thu Hiền   | Công nhân bộ phận Kho       | Không xác định thời hạn   | 7515031485 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 273570526    | Thường Thị Thu Hiền   | 0481000762577 | VIETCOMBANK |
| 160 | Hứa Thị Viên          | Công nhân bộ phận Đóng Gói  | Xác định thời hạn - 1 năm | 1520898663 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 061070091    | Hứa Thị Viên          | 0481000853975 | VIETCOMBANK |
| 161 | Cao Thị Như           | Công nhân bộ phận Kho       | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622464608 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381587976    | Cao Thị Như           | 0281000320299 | VIETCOMBANK |
| 162 | Thị Trường            | Công nhân bộ phận Kho       | Xác định thời hạn - 1 năm | 9521062525 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385772734    | Thị Trường            | 0481000908896 | VIETCOMBANK |
| 163 | Nguyễn Thị Hải Linh   | Công nhân bộ phận Sinh Quản | Không xác định thời hạn   | 7513036923 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272202348    | Nguyễn Thị Hải Linh   | 0481000696188 | VIETCOMBANK |



|     |                     |                               |                           |            |            |            |           |           |                     |               |             |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|---------------------|---------------|-------------|
| 164 | Lê Thành Lin        | Công nhân bộ phận Sinh Quân   | Không xác định thời hạn   | 7513182857 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221160260 | Lê Thành Lin        | 0481000707851 | VIETCOMBANK |
| 165 | Nguyễn Thị Thùy Như | Công Nhân bộ phận Sinh Quân   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7526956699 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272884063 | Nguyễn Thị Thùy Như | 1013346664    | VIETCOMBANK |
| 166 | Đinh Kiều Diễm      | Công nhân bộ phận Đông Gói    | Xác định thời hạn - 1 năm | 9521760247 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385844019 | Đinh Kiều Diễm      | 1016479596    | VIETCOMBANK |
| 167 | Võ Ngọc Phấn        | Công nhân bộ phận Đông gói    | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516147672 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385779129 | Võ Ngọc Phấn        | 0481000864364 | VIETCOMBANK |
| 168 | Hoàng Thị Nguồn     | Công nhân bộ phận Đông gói    | Không xác định thời hạn   | 7512011827 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 060867117 | Hoàng Thị Nguồn     | 0481000660049 | VIETCOMBANK |
| 169 | Đặng Văn Vũ         | Công nhân bộ phận Sinh quân   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516214392 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 321395819 | Đặng Văn Vũ         | 0001014854810 | VIETCOMBANK |
| 170 | Chu Thị Ngân        | Công nhân bộ phận Sinh Quân   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7911162571 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 186739241 | Chu Thị Ngân        | 050114309513  | SACOMBANK   |
| 171 | Hà Thanh Tùng       | Công nhân bộ phận Xứ Lý Nhịệt | Không xác định thời hạn   | 7515017603 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351641549 | Hà Thanh Tùng       | 0481000755402 | VIETCOMBANK |
| 172 | Mai Thành Bền       | Công nhân bộ phận Xứ Lý Nhịệt | Không xác định thời hạn   | 7509058849 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381462888 | Mai Thành Bền       | 0481000765440 | VIETCOMBANK |
| 173 | Hồ Văn Phong        | Công nhân bộ phận Xứ Lý Nhịệt | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515114800 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351256165 | Hồ Văn Phong        | 0481000880288 | VIETCOMBANK |
| 174 | Nguyễn Thị Vân      | Công nhân bộ phận QC          | Không xác định thời hạn   | 7511043586 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187328933 | Nguyễn Thị Vân      | 0481000647157 | VIETCOMBANK |
| 175 | Trình Thị Tuyết     | Công nhân bộ phận QC          | Không xác định thời hạn   | 7408062000 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 173065312 | Trình Thị Tuyết     | 0281001445148 | VIETCOMBANK |
| 176 | Diệp Thị Ngân       | Công nhân bộ phận QC          | Không xác định thời hạn   | 7514152596 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381680235 | Diệp Thị Ngân       | 0481000788167 | VIETCOMBANK |
| 177 | Diệp Thị Nhi        | Công nhân bộ phận QC          | Không xác định thời hạn   | 7516033426 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381800598 | Diệp Thị Nhi        | 0481000812354 | VIETCOMBANK |

|     |                     |                         |                           |            |            |            |           |           |                     |               |             |
|-----|---------------------|-------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|---------------------|---------------|-------------|
| 178 | Trịnh Thị Thu       | Công nhân bộ phận QC    | Xác định thời hạn - 1 năm | 7410114205 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 172871585 | Trịnh Thị Thu       | 0281000907032 | VIETCOMBANK |
| 179 | Võ Thanh Ngân       | Công nhân bộ phận QC    | Xác định thời hạn - 1 năm | 9423067010 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366308303 | Võ Thanh Ngân       | 0481000908883 | VIETCOMBANK |
| 180 | Trần Nhi Mùi        | Nhân viên Trợ lý QC     | Xác định thời hạn - 1 năm | 7415184914 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272429474 | Trần Nhi Mùi        | 0481000885672 | VIETCOMBANK |
| 181 | Phòng Mỹ Yến        | Trợ lý QC               | Xác định thời hạn - 1 năm | 7413107495 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 273531835 | Phòng Mỹ Yến        | 0001017079608 | VIETCOMBANK |
| 182 | Phạm Thị Quỳnh Như  | Công nhân bộ phận QC    | Xác định thời hạn - 1 năm | 9123537876 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 372035223 | Phạm Thị Quỳnh Như  | 0001017792366 | VIETCOMBANK |
| 183 | Đinh Thị Hồng Lương | Công nhân bộ phận QC    | Xác định thời hạn - 1 năm | 4420121903 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 061178678 | Đinh Thị Hồng Lương | 0001020630369 | VIETCOMBANK |
| 184 | Hồ Thị Loan Anh     | Công nhân bộ phận QC    | Xác định thời hạn - 1 năm | 8924395676 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352612635 | Hồ Thị Loan Anh     | 1019913143    | VIETCOMBANK |
| 185 | Huỳnh Thanh Huy     | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Không xác định thời hạn   | 7515023326 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385463916 | Huỳnh Thanh Huy     | 0481000758000 | VIETCOMBANK |
| 186 | Trần Hoài Hân       | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Không xác định thời hạn   | 7515039307 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351338612 | Trần Hoài Hân       | 0481000766597 | VIETCOMBANK |
| 187 | Nguyễn Văn Trung    | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Không xác định thời hạn   | 7516021464 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385191261 | Nguyễn Văn Trung    | 0481000786616 | VIETCOMBANK |
| 188 | Trương Văn Giang    | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Không xác định thời hạn   | 7514176760 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381494176 | Trương Văn Giang    | 0481000792818 | VIETCOMBANK |
| 189 | Trần Việt Em        | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Xác định thời hạn - 1 năm | 7509144135 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371583778 | Trần Việt Em        | 0481000834031 | VIETCOMBANK |
| 190 | Nguyễn Văn Đang     | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Xác định thời hạn - 1 năm | 5820890974 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381919148 | Nguyễn Văn Đang     | 0481000890828 | VIETCOMBANK |
| 191 | Trần Văn Đạt        | Công nhân bộ phận Xi Mạ | Xác định thời hạn - 1 năm | 9522085208 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385575116 | Trần Văn Đạt        | 0481000895973 | VIETCOMBANK |



|     |                  |                           |                           |            |            |            |           |           |                  |               |             |
|-----|------------------|---------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|------------------|---------------|-------------|
| 192 | Đào Văn Nhứt     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516092009 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371437115 | Đào Văn Nhứt     | 0481000311137 | VIETCOMBANK |
| 193 | Bùi Thị Năm      | Công Nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7515106712 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 370908491 | Bùi Thị Năm      | 0481000907874 | VIETCOMBANK |
| 194 | Trần Văn Bảo     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Không xác định thời hạn   | 7514036775 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381807991 | Trần Văn Bảo     | 0481000762580 | VIETCOMBANK |
| 195 | Nguyễn Văn Cơm   | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Không xác định thời hạn   | 7516005037 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385114766 | Nguyễn Văn Cơm   | 0481000788170 | VIETCOMBANK |
| 196 | Võ Văn Ra        | Công nhân bộ phận Rửa sợi | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516220021 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381179946 | Võ Văn Ra        | 0121000803502 | VIETCOMBANK |
| 197 | Phạm Ngọc Văng   | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 5420262484 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 221461100 | Phạm Ngọc Văng   | 0001015356246 | VIETCOMBANK |
| 198 | Nguyễn Văn Bạch  | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621438554 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381647821 | Nguyễn Văn Bạch  | 1015372288    | VIETCOMBANK |
| 199 | Lưu Văn Kiểm     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516093082 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385205260 | Lưu Văn Kiểm     | 0001015358296 | VIETCOMBANK |
| 200 | Đặng Văn Dệ      | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7513014029 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 351850384 | Đặng Văn Dệ      | 0001013167568 | VIETCOMBANK |
| 201 | Trương Vũ Em     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621514185 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381554936 | Trương Vũ Em     | 1015910139    | VIETCOMBANK |
| 202 | Nguyễn Văn Hoàng | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622430716 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381552680 | Nguyễn Văn Hoàng | 1015890457    | VIETCOMBANK |
| 203 | Tạ Minh Cảnh     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622397947 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381464917 | Tạ Minh Cảnh     | 1015892681    | VIETCOMBANK |
| 204 | Quách Khắc Huy   | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514059456 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385333628 | Quách Khắc Huy   | 0001018320804 | VIETCOMBANK |
| 205 | Đỗ Thị Suong     | Công nhân bộ phận Xi Mạ   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7514161009 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385751053 | Đỗ Thị Suong     | 0481000838095 | VIETCOMBANK |

|     |                    |                              |                           |            |            |            |           |           |                    |               |             |
|-----|--------------------|------------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|--------------------|---------------|-------------|
| 206 | Trần Văn Phúc      | Công nhân bộ phận Xi Mạ      | Xác định thời hạn - 1 năm | 9521142364 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385850803 | Trần Văn Phúc      | 0001020626241 | VIETCOMBANK |
| 207 | Lê Văn Được        | Công nhân bộ phận Xi Mạ      | Xác định thời hạn - 1 năm | 9123197539 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371161704 | Lê Văn Được        | 1019785795    | VIETCOMBANK |
| 208 | Thạch Sam Bäte     | Công nhân bộ phận Xứ Lý Nước | Không xác định thời hạn   | 7508052472 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 334650635 | Thạch Sam Bäte     | 0481000858513 | VIETCOMBANK |
| 209 | Trần Thái Vĩ       | Công nhân bộ phận Xứ lý nước | Xác định thời hạn - 1 năm | 7524028358 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 366234019 | Trần Thái Vĩ       | 0001020960107 | VIETCOMBANK |
| 210 | Hồ Diễm Phi        | Công nhân bộ phận Rửa sợi    | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516201647 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381841363 | Hồ Diễm Phi        | 0481000873480 | VIETCOMBANK |
| 211 | Nguyễn Hùng Thuyền | Công nhân bộ phận Rửa Sợi    | Xác định thời hạn - 1 năm | 7912054043 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 264340207 | Nguyễn Hùng Thuyền | 0001017092233 | VIETCOMBANK |
| 212 | Nguyễn Mỹ Luyện    | Công Nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7512029013 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385197863 | Nguyễn Mỹ Luyện    | 0481000896580 | VIETCOMBANK |
| 213 | Lê Thị Hiền        | Công nhân bộ phận Đóng gói   | Không xác định thời hạn   | 7515017601 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 352219035 | Lê Thị Hiền        | 0481000755409 | VIETCOMBANK |
| 214 | Hà Minh Nhí        | Công nhân bộ phận Kéo Liều   | Không xác định thời hạn   | 7512029057 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381621534 | Hà Minh Nhí        | 0481000816292 | VIETCOMBANK |
| 215 | Phạm Vũ Trường     | Công nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7512070088 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385546826 | Phạm Vũ Trường     | 0481000682880 | VIETCOMBANK |
| 216 | Trần Văn Giáo      | Công nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 9321909672 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 364047741 | Trần Văn Giáo      | 0481000884459 | VIETCOMBANK |
| 217 | Nguyễn Thị Túy     | Công Nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7408109121 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 272715994 | Nguyễn Thị Túy     | 0481000760602 | VIETCOMBANK |
| 218 | Cao Thị Hằng       | Công nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7413204622 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 187190957 | Cao Thị Hằng       | 0481000829289 | VIETCOMBANK |
| 219 | Trương Lê Thủy     | Công Nhân bộ phận Kéo Liều   | Xác định thời hạn - 1 năm | 7508084866 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381558291 | Trương Lê Thủy     | 0481000888969 | VIETCOMBANK |



|     |                 |                            |                           |            |            |            |           |           |                 |               |             |
|-----|-----------------|----------------------------|---------------------------|------------|------------|------------|-----------|-----------|-----------------|---------------|-------------|
| 220 | Võ Thị Út Nhỏ   | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9622984103 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381919079 | Võ Thị Út Nhỏ   | 0481000901871 | VIETCOMBANK |
| 221 | Nguyễn Văn Đông | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9621543155 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381664765 | Nguyễn Văn Đông | 0001017093548 | VIETCOMBANK |
| 222 | Lê Văn Trường   | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9521547135 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385867867 | Lê Văn Trường   | 0481000910235 | VIETCOMBANK |
| 223 | Nguyễn Văn Hợp  | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7912089536 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 381674864 | Nguyễn Văn Hợp  | 0481000905615 | VIETCOMBANK |
| 224 | Lý Yến Nhi      | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9522094229 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 385618101 | Lý Yến Nhi      | 0181003590359 | VIETCOMBANK |
| 225 | Nguyễn Văn Chải | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516199452 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371406380 | Nguyễn Văn Chải | 0001019838467 | VIETCOMBANK |
| 226 | Nguyễn Văn Tinh | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 9321680585 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 363731939 | Nguyễn Văn Tinh | 0001020269454 | VIETCOMBANK |
| 227 | Phạm Văn Đình   | Công nhân bộ phận Kéo Liệu | Xác định thời hạn - 1 năm | 7516000667 | 17/07/2021 | 15/09/2021 | 1.000.000 | 371630014 | Phạm Văn Đình   | 0001020268436 | VIETCOMBANK |

**Cộng 1 (227 lao động)**

227.000.000

| II. Hồ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi |                      |                   |                                   |                                |                                   |                                                |                |                              |                      |               |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------|----------------------|---------------|-------------|
| TT                                                                                                                | Họ và tên            | Thứ tự tại mục II | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                   |                                                | Số tiền hỗ trợ | Số CMT/thẻ căn cước công dân | Tên tài khoản        | Số tài khoản  | Ngân hàng   |
|                                                                                                                   |                      |                   | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2) | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                |                              |                      |               |             |
| 1                                                                                                                 | Đặng Thị Hà          | 2                 | Trương Minh Đức                   | 15/11/2019                     | Trương Văn Phước                  | 272133570                                      | 1.000.000      | 272210054                    | Đặng Thị Hà          | 0481000783595 | VIETCOMBANK |
| 2                                                                                                                 | Nguyễn Thị Yên       | 3                 | Nguyễn Hân Phúc                   | 10/03/2016                     | Nguyễn Hân Quân                   | 272148407                                      | 1.000.000      | 272148407                    | Nguyễn Thị Yên       | 0481000858506 | VIETCOMBANK |
|                                                                                                                   | Nguyễn Thị Yên       | 3                 | Nguyễn Thị Yên Nhi                | 10/10/2019                     | Nguyễn Hân Quân                   | 272148407                                      | 1.000.000      | 272148407                    | Nguyễn Thị Yên       | 0481000858506 | VIETCOMBANK |
| 3                                                                                                                 | Nguyễn Thị Thanh Hào | 5                 | Trần Hoàng Khánh                  | 31/07/2018                     | Trần Quốc Hoàng                   | 186228432                                      | 1.000.000      | 186855477                    | Nguyễn Thị Thanh Hào | 0001013887466 | VIETCOMBANK |
| 4                                                                                                                 | Nguyễn Thị Vỹ        | 7                 | Võ Hữu Bách                       | 06/02/2019                     | Võ Hữu Hải                        | 186966401                                      | 1.000.000      | 186966372                    | Nguyễn Thị Vỹ        | 0001021152667 | VIETCOMBANK |
| 5                                                                                                                 | Đỗ Thị Hà            | 8                 | Phạm Bình Minh                    | 02/10/2020                     | Phạm Xuân Trường                  | 1083014880                                     | 1.000.000      | 111873378                    | Đỗ Thị Hà            | 0121000398704 | VIETCOMBANK |
| 6                                                                                                                 | Hoàng Thị Bích Thủy  | 9                 | Dương Hoàng Ngọc Khuê             | 11/01/2018                     | Dương Ngọc Dũng                   | 164603725                                      | 1.000.000      | 272061857                    | Hoàng Thị Bích Thủy  | 0481000794431 | VIETCOMBANK |
| 7                                                                                                                 | Phạm Bá Thành        | 12                | Phạm Bá Trung                     | 29/11/2015                     | Nguyễn Hồng Hoa                   | 1184005438                                     | 1.000.000      | 272870026                    | Phạm Bá Thành        | 0121000649899 | VIETCOMBANK |

|    |                   |     |                      |            |                      |             |           |           |                   |               |             |
|----|-------------------|-----|----------------------|------------|----------------------|-------------|-----------|-----------|-------------------|---------------|-------------|
| 8  | Triệu Mạnh Tú     | 13  | Triệu Bảo Sơn        | 29/04/2017 | Vương Thị Diễm       | 61085761    | 1.000.000 | 60802873  | Triệu Mạnh Tú     | 0481000780443 | VIETCOMBANK |
| 9  | Trần Văn Trung    | 18  | Trần Trung Kiên      | 21/09/2018 | Nguyễn Thị Anh Thư   | 334897928   | 1.000.000 | 371099168 | Trần Văn Trung    | 0481000864374 | VIETCOMBANK |
| 10 | Võ Toàn Em        | 26  | Võ Vĩ Hào            | 16/12/2018 | Nguyễn Thị Phương    | 371118759   | 1.000.000 | 385450968 | Võ Toàn Em        | 0481000864384 | VIETCOMBANK |
| 11 | Phạm Minh Lâm     | 30  | Phạm Đức Cường       | 02/01/2018 | Trần Thị Muội        | 371552469   | 1.000.000 | 371311062 | Phạm Minh Lâm     | 0481000898210 | VIETCOMBANK |
| 12 | Nguyễn Quang Thu  | 36  | Nguyễn Thị Hương     | 23/11/2017 | Hồ Thị Huyền         | 61164056    | 1.000.000 | 60831962  | Nguyễn Quang Thu  | 0481000741368 | VIETCOMBANK |
|    | Nguyễn Quang Thu  | 36  | Nguyễn Thị Thu Hòe   | 16/03/2016 | Hồ Thị Huyền         | 61164056    | 1.000.000 | 60831962  | Nguyễn Quang Thu  | 0481000741368 | VIETCOMBANK |
| 13 | Nguyễn Văn Tiến   | 55  | Nguyễn Đức Anh       | 05/11/2017 | Lương Thị Bìn        | 60809416    | 1.000.000 | 60802843  | Nguyễn Văn Tiến   | 0481000777016 | VIETCOMBANK |
| 14 | Nguyễn Văn Cường  | 59  | Nguyễn Quang Khôi    | 19/12/2019 | Lý Thị Hà            | 276099832   | 1.000.000 | 183852080 | Nguyễn Văn Cường  | 0481000617748 | VIETCOMBANK |
| 15 | Trần Văn Huy      | 62  | Trần Thị Anh Trâm    | 21/09/2019 | Nguyễn Thị Hằng      | 42195000377 | 1.000.000 | 186897554 | Trần Văn Huy      | 0481000715227 | VIETCOMBANK |
| 16 | Trần Hoàng Vững   | 69  |                      | 20/02/2021 | Trần Ngọc Trinh      | 366310794   | 1.000.000 | 385641201 | Trần Hoàng Vững   | 0481000871149 | VIETCOMBANK |
| 17 | Hoàng Văn Quân    | 70  | Hoàng Thị Ánh Dương  | 10/08/2021 | Trương Thị Phương    | 60886399    | 1.000.000 | 60792779  | Hoàng Văn Quân    | 0481000866244 | VIETCOMBANK |
| 18 | Nguyễn Văn Nhanh  | 73  |                      | 25/12/2020 | Trần Văn Nị          | 371552468   | 1.000.000 | 371552484 | Nguyễn Văn Nhanh  | 0481000898207 | VIETCOMBANK |
| 19 | Phan Xuân Hùng    | 75  | Phan Hà Gia Huy      | 19/09/2020 | Hà Thị Hiền          | 186701626   | 1.000.000 | 183936840 | Phan Xuân Hùng    | 0481000682863 | VIETCOMBANK |
| 20 | Nguyễn Văn Trọng  | 77  | Nguyễn Cát Tiên      | 20/04/2019 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 183653425   | 1.000.000 | 73182463  | Nguyễn Văn Trọng  | 0481000622039 | VIETCOMBANK |
| 21 | Nguyễn Thanh Xuân | 78  | Nguyễn Thanh Liêm    | 28/03/2020 | Phạm Hồng Chi        | 385470322   | 1.000.000 | 381374533 | Nguyễn Thanh Xuân | 0281001534754 | VIETCOMBANK |
| 22 | Triệu Văn Bồn     | 83  | Triệu Khánh Long     | 11/07/2018 | Nguyễn Thị Hà        | 225668530   | 1.000.000 | 61070979  | Triệu Văn Bồn     | 0481000843997 | VIETCOMBANK |
|    | Triệu Văn Bồn     | 83  | Triệu Khánh An       | 06/07/2020 | Nguyễn Thị Hà        | 225668530   | 1.000.000 | 61070979  | Triệu Văn Bồn     | 0481000843997 | VIETCOMBANK |
| 23 | Trần Văn Lượng    | 86  | Trần Anh Phúc        | 27/11/2018 | Đoàn Thị Phương      | 187502782   | 1.000.000 | 371815494 | Trần Văn Lượng    | 0481000882081 | VIETCOMBANK |
| 24 | Vĩ Đức Duy        | 89  | Vĩ Tùng Anh          | 16/12/2019 | Nguyễn Thị Liên      | 60912856    | 1.000.000 | 60963249  | Vĩ Đức Duy        | 0481000824191 | VIETCOMBANK |
| 25 | Nguyễn Hữu Phúc   | 90  | Nguyễn Minh Đức      | 17/12/2019 | Nguyễn Thị Phương    | 183568663   | 1.000.000 | 183491752 | Nguyễn Hữu Phúc   | 0481000867131 | VIETCOMBANK |
| 26 | Nguyễn Trung Trực | 91  | Nguyễn Ngọc Anh Thư  | 27/07/2017 | Nguyễn Ngọc Trâm     | 86190000585 | 1.000.000 | 363513298 | Nguyễn Trung Trực | 0481000893758 | VIETCOMBANK |
| 27 | Nguyễn Minh Nhật  | 95  | Nguyễn Minh Triết    | 05/02/2018 | Lê Thị Thái Ngọc     | 366231213   | 1.000.000 | 366094492 | Nguyễn Minh Nhật  | 0001020631545 | VIETCOMBANK |
|    | Nguyễn Minh Nhật  | 95  | Nguyễn Minh Ngọc Quý | 09/07/2016 | Lê Thị Thái Ngọc     | 366231213   | 1.000.000 | 366094492 | Nguyễn Minh Nhật  | 0001020631545 | VIETCOMBANK |
| 28 | Nguyễn Văn Kiên   | 100 | Nguyễn Ngọc Đình     | 12/10/2017 | Đỗ Thị Vui           | 385600628   | 1.000.000 | 385481818 | Nguyễn Văn Kiên   | 0001020008692 | VIETCOMBANK |
| 29 | Trần Văn Cung     | 110 | Trần Gia Hưng        | 20/02/2019 | Võ Thị Nhung         | 194450836   | 1.000.000 | 371501927 | Trần Văn Cung     | 0481000810616 | VIETCOMBANK |
| 30 | Bạo Văn Du        | 111 | Bạo Việt Anh         | 09/06/2021 | Lý Thị Đàm           | 61046055    | 1.000.000 | 60872865  | Bạo Văn Du        | 0481000647224 | VIETCOMBANK |
| 31 | Nguyễn Thị Huyền  | 124 | Nông Thị Hiền        | 11/05/2017 | Nông Văn Soái        | 60827946    | 1.000.000 | 60872887  | Nguyễn Thị Huyền  | 0481000659724 | VIETCOMBANK |
| 32 | Huỳnh Văn Lực     | 126 |                      | 01/09/2021 | Đặng Thủy Oanh       | 371929146   | 1.000.000 | 221292349 | Huỳnh Văn Lực     | 0481000752612 | VIETCOMBANK |

|    |                       |     |                       |            |                      |           |           |             |                       |                |             |
|----|-----------------------|-----|-----------------------|------------|----------------------|-----------|-----------|-------------|-----------------------|----------------|-------------|
| 33 | Hà Như Ý              | 127 | Hà Trình Kha Bin      | 10/06/2019 | Trình Kim Riêng      | 385486070 | 1.000.000 | 381551509   | Hà Như Ý              | 0431000204025  | VIETCOMBANK |
| 34 | Huỳnh Thị Như Lệ      | 131 | Nguyễn Thảo Vy        | 11/11/2020 | Nguyễn Văn Vạn       | 381931099 | 1.000.000 | 54194000444 | Huỳnh Thị Như Lệ      | 0431000238546  | VIETCOMBANK |
| 35 | Trần Thị Thơm         | 134 | Lê Đăng Khoa          | 10/07/2018 | Lê Văn Cao           | 385350481 | 1.000.000 | 381850358   | Trần Thị Thơm         | 0481000843927  | VIETCOMBANK |
| 36 | Lang Thị Trà          | 142 | Lương Khả Vy          | 27/12/2017 | Lương Văn Tùng       | 174923877 | 1.000.000 | 187577986   | Lang Thị Trà          | 0481000888967  | VIETCOMBANK |
| 37 | Nguyễn Thị Tào        | 151 | Nguyễn Huyền Trang    | 09/11/2019 | Nguyễn Văn Quốc      | 272876304 | 1.000.000 | 38190021587 | Nguyễn Thị Tào        | 0481000824856  | VIETCOMBANK |
| 38 | Danh Thị Ngọc Bích    | 152 | Trần Anh Huy          | 24/12/2019 | Trần Văn Đạt         | 385575116 | 1.000.000 | 366076857   | Danh Thị Ngọc Bích    | 0481000898226  | VIETCOMBANK |
| 39 | Nguyễn Thị Diễm Nhung | 153 | Lục Tú Mỹ             | 16/09/2018 | Lục Vĩnh Thái        | 381353920 | 1.000.000 | 381906926   | Nguyễn Thị Diễm Nhung | 0001017935058  | VIETCOMBANK |
| 40 | Võ Thị Thái           | 157 | Nguyễn Khả Vy         | 25/11/2018 | Nguyễn Bá Toàn       | 272081822 | 1.000.000 | 381421084   | Võ Thị Thái           | 1020987615     | VIETCOMBANK |
| 41 | Hứa Thị Viên          | 160 | Vương Anh Quyết       | 29/01/2017 | Vương Văn Khoản      | 60877454  | 1.000.000 | 61070091    | Hứa Thị Viên          | 0481000853975  | VIETCOMBANK |
| 42 | Cao Thị Như           | 161 | Hà Minh Phúc          | 16/12/2018 | Hà Văn Đẹp           | 381587976 | 1.000.000 | 381587976   | Cao Thị Như           | 0281000320299  | VIETCOMBANK |
| 43 | Nguyễn Thị Hải Linh   | 163 | Đông Ngọc Tuệ An      | 19/01/2020 | Đông Văn Thao        | 241240805 | 1.000.000 | 272202348   | Nguyễn Thị Hải Linh   | 0481000696188  | VIETCOMBANK |
| 44 | Mai Thành Bền         | 172 | Mai Trần Nhà Trần     | 19/01/2018 | Trần Thị Nhỏ         | 381515312 | 1.000.000 | 381462888   | Mai Thành Bền         | 0481000765440  | VIETCOMBANK |
| 45 | Diệp Thị Ngân         | 176 | Diệp Đình Gia Thiến   | 01/02/2019 |                      |           | 1.000.000 | 381680235   | Diệp Thị Ngân         | 0481000788167  | VIETCOMBANK |
| 46 | Đinh Thị Hồng Lương   | 183 | Nguyễn Gia Bảo        | 06/08/2018 | Nguyễn Văn Thời      | 60985183  | 1.000.000 | 61178678    | Đinh Thị Hồng Lương   | 0001020630369  | VIETCOMBANK |
| 47 | Nguyễn Văn Trung      | 187 | Nguyễn Hữu Vui        | 05/06/2020 | Bùi Thanh Thủy       | 385374425 | 1.000.000 | 385191261   | Nguyễn Văn Trung      | 0481000786616  | VIETCOMBANK |
| 48 | Trương Văn Giang      | 188 | Trương Trung Hiếu     | 20/03/2017 | Nguyễn Thị Nhân      | 381843953 | 1.000.000 | 381494176   | Trương Văn Giang      | 0481000792818  | VIETCOMBANK |
| 49 | Trần Việt Em          | 189 | Trần Khai Đăng        | 22/01/2019 | Trần Kim Đồng        | 352049137 | 1.000.000 | 371583778   | Trần Việt Em          | 0481000834031  | VIETCOMBANK |
| 50 | Trần Văn Bảo          | 194 | Trần Anh Quý          | 10/10/2017 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | 381854016 | 1.000.000 | 381807991   | Trần Văn Bảo          | 0481000762580  | VIETCOMBANK |
|    | Trần Văn Bảo          | 194 | Trần Anh Trọng        | 21/10/2020 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | 381854016 | 1.000.000 | 381807991   | Trần Văn Bảo          | 0481000762580  | VIETCOMBANK |
| 51 | Trương Vũ Em          | 201 | Trương Minh Đức       | 16/11/2019 | Nguyễn Thị Hồng      | 381415737 | 1.000.000 | 381554936   | Trương Vũ Em          | 1015910139     | VIETCOMBANK |
| 52 | Trần Thái Vĩ          | 209 | Trần Anh Thư          | 18/08/2019 | Trần Thị Mui         | 381961248 | 1.000.000 | 366234019   | Trần Thái Vĩ          | 0001020960107  | VIETCOMBANK |
| 53 | Hồ Diễm Phi           | 210 | Mã Hoàng Tiến         | 31/08/2020 | Mã Hoàng Khâm        | 381615731 | 1.000.000 | 381841363   | Hồ Diễm Phi           | 0481000873480  | VIETCOMBANK |
| 54 | Nguyễn Mỹ Luyện       | 212 | Nguyễn Mỹ Linh        | 30/10/2017 | Nguyễn Thanh Tâm     | 385191260 | 1.000.000 | 385197863   | Nguyễn Mỹ Luyện       | 0481000896580  | VIETCOMBANK |
| 55 | Nguyễn Thị Túy        | 217 | Nguyễn Ngọc Bảo Lam   | 01/07/2016 | Nguyễn Tiến Tùng     | 371507091 | 1.000.000 | 272715994   | Nguyễn Thị Túy        | 0481000760602  | VIETCOMBANK |
| 56 | Võ Thị Út Nhỏ         | 220 | Tiêu Gia Khánh        | 14/11/2016 | Tiêu Út Mối          | 381736079 | 1.000.000 | 381919079   | Võ Thị Út Nhỏ         | 0481000901871  | VIETCOMBANK |
| 57 | Nguyễn Văn Hợp        | 223 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc   | 27/08/2017 | Châu Thị Linh        | 371721210 | 1.000.000 | 381674864   | Nguyễn Văn Hợp        | 0481000905615  | VIETCOMBANK |
| 58 | Lý Yến Nhi            | 224 | Nguyễn Lý Ngọc Anh    | 17/06/2019 | Nguyễn Văn Luốc      | 385386453 | 1.000.000 | 385618101   | Lý Yến Nhi            | 01810003590359 | VIETCOMBANK |
| 59 | Phạm Minh Khang       | 52  | Phạm Phan Nguyễn Khải | 06/11/2019 | Phạm Ngọc Cần        | 381993537 | 1.000.000 | 371644868   | Phạm Minh Khang       | 5.90321E+12    | AGRIBANK    |
| 60 | Nguyễn Văn Dầu        | 115 | Nguyễn Trần Hà Mỹ     | 15/03/2021 | Trần Thị Cẩm Nhung   | 371552487 | 1.000.000 | 371639835   | Nguyễn Văn Dầu        | 0481000868441  | VIETCOMBANK |

|                    |  |             |  |  |  |  |
|--------------------|--|-------------|--|--|--|--|
| Cộng 65 trẻ em     |  | 65.000.000  |  |  |  |  |
| TỔNG CỘNG (I + II) |  | 292.000.000 |  |  |  |  |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 292.000.000 đồng  
(Hai trăm chín mươi hai triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LINH HÀ NAM  
(Kèm theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT | Họ và tên      | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian ngừng việc |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Ký và ghi rõ họ tên | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------|---------------------------------|------------------------|------------|----------------------|--------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------|
|    |                |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm    | Đến ngày tháng năm |                            |                     |                               |
| 1  | Nguyễn Đức Lâm | Nhân viên kỹ thuật              | Không xác định         | 7516193793 | 16/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                     | 272272330                     |
| 2  | Huỳnh Văn Linh | Công nhân lái xe cầu            | Không xác định         | 8621316679 | 16/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                     | 331773895                     |
| 3  | Triệu Tiến Tới | Công nhân lái xe cầu            | Không xác định         | 1720353508 | 16/07/2021           | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                     | 113344937                     |

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai

| TT                 | Họ và tên      | Thứ tự tại mục II | Số tiền hỗ trợ   |            |                    |           | Ký và ghi rõ họ tên | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
|--------------------|----------------|-------------------|------------------|------------|--------------------|-----------|---------------------|------------------------------|
| 1                  | 2              | 3                 | 3                |            |                    |           | 4                   | 5                            |
| 1                  | Nguyễn Đức Lâm | 2                 | Nguyễn Đức Vinh  | 02/07/2016 | Nguyễn Thị Thu Ngừ | 271265159 | 1.000.000           | 272272330                    |
| 2                  | Nguyễn Đức Lâm | 2                 | Nguyễn Thái Anh  | 27/07/2019 | Nguyễn Thị Thu Ngừ | 271265159 | 1.000.000           | 272272330                    |
| 3                  | Triệu Tiến Tới | 4                 | Triệu Thành Nhân | 21/12/2017 | Phạm Thị Kim Ngân  | 312298594 | 1.000.000           | 113344937                    |
| Tổng cộng (I + II) |                |                   |                  |            |                    |           | 6.000.000           |                              |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 6.000.000 đồng  
(Sáu triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

  
Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SƠN NAM VIỆT  
(Kèm theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên        | Phòng, ban, phân<br>xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/người không |                          | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Ký và ghi rõ họ tên | Số CMND/thẻ căn<br>cước công dân |
|-------------------------------------|------------------|------------------------------------|-------------------------|------------|----------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------|----------------------------------|
|                                     |                  |                                    |                         |            | Từ<br>ngày tháng<br>năm                | Đến<br>ngày tháng<br>năm |                               |                     |                                  |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                  |                                    |                         |            |                                        |                          |                               |                     |                                  |
| 1                                   | Bùi Thị Loan     | Kế toán                            | Không xác định thời hạn | 7508154128 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 276059990                        |
| 2                                   | Mai Thị Ngọc yến | Nhân sự                            | Không xác định thời hạn | 7515102205 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 271796258                        |
| 3                                   | Trần Thị Thu Nga | Kinh doanh                         | Không xác định thời hạn | 7526696260 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 272368325                        |
| 4                                   | Nguyễn Chân Nam  | phòng kỹ thuật                     | Không xác định thời hạn | 4705065292 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 271452981                        |
| 5                                   | Cao Tiến Giang   | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 7515102207 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 186472896                        |
| 6                                   | Trình Hoài Đẹp   | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 7515102209 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 272615195                        |
| 7                                   | Trần Ngọc Hương  | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 7515102210 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 271481836                        |
| 8                                   | Phan Thị Phương  | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 9321947055 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 364217483                        |
| 9                                   | Đào Tấn Tịnh     | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 9122473146 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 371839069                        |
| 10                                  | Nguyễn Quế Vy    | Công nhân sản xuất                 | Không xác định thời hạn | 6021308136 | 20/07/2021                             | 15/09/2021               | 1.000.000                     |                     | 261465019                        |
| Cộng I: 10 lao động                 |                  |                                    |                         |            |                                        |                          | 10.000.000                    |                     |                                  |

| II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em |                |                   |                                   |                                |                                   |                                                 |                |                     |                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-------------------------------|
| TT                                                                                                      | Họ và tên      | Thứ tự tại mục II | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                   |                                                 | Số tiền hỗ trợ | Ký và ghi rõ họ tên | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|                                                                                                         |                |                   | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2) | Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                |                     |                               |
| 1                                                                                                       | 2              | 3                 | 4                                 | 5                              | 6                                 | 7                                               | 8              | 9                   | 10                            |
| 1                                                                                                       | Bùi Thị Loan   | 3                 | Cao Anh Tuấn                      | 06/12/2015                     | Cao Xuân Hải                      | 271304240                                       | 1.000.000      | 276059990           |                               |
| 2                                                                                                       | Cao Tiến Giang | 3                 | Cao Thị Ngọc Mai                  | 17/05/2019                     | Lê Thị Hương                      | 186408218                                       | 1.000.000      | 186472896           |                               |
| Cộng II                                                                                                 |                |                   |                                   |                                |                                   |                                                 | 2.000.000      |                     |                               |
| TỔNG CỘNG (I + II)                                                                                      |                |                   |                                   |                                |                                   |                                                 | 12.000.000     |                     |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 12.000.000 đồng  
(Mười hai triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG NHƯ NGÀN

(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Ký và ghi rõ họ tên | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------|
|                                     |                 |                                 |                            |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            |                     |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                 |                                 |                            |            |                                          |                    |                            |                     |                               |
| 1                                   | Hà Việt Hồng    | NV Văn Phòng                    | Xác định thời hạn 12 tháng | 7523759377 | 11/07/2021                               | 26/07/2021         | 1.000.000                  |                     | 272507202                     |
| 2                                   | Hoàng Văn Quỳnh | Tổ trưởng                       | Xác định thời hạn 12 tháng | 7526315048 | 11/07/2021                               | 26/07/2021         | 1.000.000                  |                     | 271509070                     |
| 3                                   | Hà Thị Nga      | Theo dõi công                   | Xác định thời hạn 12 tháng | 7523731298 | 11/07/2021                               | 26/07/2021         | 1.000.000                  |                     | 272866964                     |
| TỔNG CỘNG                           |                 |                                 |                            |            |                                          |                    | 3.000.000                  |                     |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 3.000.000 đồng  
(Ba triệu đồng chẵn)

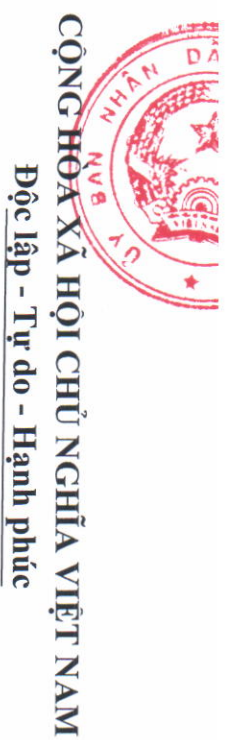
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**



**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH SXTM NGÔI SAO**

(Kèm theo Quyết định số **4068** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                     |                      |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                      |                                 |                         |            |                                          |                    |                            |                                          |       |           |                               |
| 1                                   | Trần Thị Ngọc Thư    | Nhân Viên Kế Hoạch              | Xác định thời hạn       | 6621908749 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 240911169                     |
| 2                                   | Đỗ Hoàng Quang Chính | Nhân viên văn phòng             | Xác định thời hạn       | 7939239779 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 272072699                     |
| 3                                   | Bùi Thị Kiều Vy      | Nhân viên văn phòng             | Xác định thời hạn       | 7916325414 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 212707476                     |
| 4                                   | Nông Thụy Hoàng Luân | Nhân viên văn phòng             | Xác định thời hạn       | 7525584779 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 272152164                     |
| 5                                   | Nguyễn Văn Hậu       | Tài Xế                          | Xác định thời hạn       | 7524980255 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 271561156                     |
| 6                                   | Dương Bá Trác        | Tài Xế                          | Không Xác định thời hạn | 0201043093 | 01/08/2021                               | 31/12/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 074071000047                  |

|    |                              |                                |                      |            |            |            |           |  |  |  |           |
|----|------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------|------------|------------|-----------|--|--|--|-----------|
| 7  | Nguyễn Thị Yến Nhi           | Nhân Viên<br>QC                | Xác định thời<br>hạn | 7525105018 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271969147 |
| 8  | Nguyễn Văn Cư                | Nhân Viên<br>Bảo vệ            | Xác định thời<br>hạn | 7524115955 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271642270 |
| 9  | Hoàng Minh Tuấn              | Tổ Trưởng<br>Giấy Tiêu<br>Dùng | Xác định thời<br>hạn | 7513165163 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271655156 |
| 10 | Lê Tiến Sang                 | Công nhân<br>Giấy tiêu<br>dùng | Xác định thời<br>hạn | 6823065531 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 251265151 |
| 11 | Bùi Nguyễn Ngọc<br>Quỳnh Như | Công nhân<br>Giấy tiêu<br>dùng | Xác định thời<br>hạn | 7525004780 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 272953970 |
| 12 | Nguyễn Thị Thu Huyền         | Công nhân<br>Giấy tiêu<br>dùng | Xác định thời<br>hạn | 7524984220 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271726975 |
| 13 | Hoàng Thị Minh Xuân          | Công nhân<br>In Phun           | Xác định thời<br>hạn | 7511097474 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271884452 |
| 14 | Vũ Thanh Tùng                | Công nhân<br>In Phun           | Xác định thời<br>hạn | 7525036618 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271995064 |
| 15 | Đỗ Hữu Khôi                  | Công nhân<br>In Phun           | Xác định thời<br>hạn | 7524133738 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 271075260 |
| 16 | Nguyễn Ngọc Sơn              | Công Nhân<br>In                | Xác định thời<br>hạn | 5820727571 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 264578983 |
| 17 | Trần Đình Cường              | Công Nhân<br>Xả Chạp           | Xác định thời<br>hạn | 2716062321 | 01/08/2021 | 31/12/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 186855360 |



| 18                                                                                                                | Lê Hoàng Anh Hải      | Công Nhân Xã Chấp    | Xác định thời hạn                 | 7525040214                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272692017                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|------------------------------|
| 19                                                                                                                | Nguyễn Thế Duy        | Công Nhân Xã Chấp    | Xác định thời hạn                 | 7508098212                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 271713171                    |
| 20                                                                                                                | Ngô Huỳnh Phương Thảo | Công Nhân Thành Phẩm | Xác định thời hạn                 | 7516079627                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272614630                    |
| 21                                                                                                                | Nguyễn Thị Minh Hạnh  | Công Nhân Thành Phẩm | Xác định thời hạn                 | 7524835046                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272532986                    |
| 22                                                                                                                | Nguyễn Minh Đức       | Công Nhân Giao Hàng  | Xác định thời hạn                 | 7524100392                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272532946                    |
| 23                                                                                                                | Lê Ngọc Huy           | Công Nhân Giao Hàng  | Xác định thời hạn                 | 7524090766                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272905931                    |
| 24                                                                                                                | Nguyễn Tấn Đạt        | Công Nhân Giao Hàng  | Xác định thời hạn                 | 7527022103                     | 01/08/2021                      | 31/12/2021                                     | 1.000.000      |                                          |       |           | 272790660                    |
| CỘNG I                                                                                                            |                       |                      |                                   |                                |                                 |                                                | 24.000.000     |                                          |       |           |                              |
| II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi |                       |                      |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |       |           |                              |
| TT                                                                                                                | Họ và tên             | Thứ tự tại mục I     | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                 |                                                | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
|                                                                                                                   |                       |                      | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                              |
| 1                                                                                                                 | Trần Thị Ngọc Thư     | 1                    | Hoa Trần Nguyễn Khôi              | 08/05/2018                     | Hoa Xuân Sang                   | 273165877                                      | 1.000.000      |                                          |       |           | 240911169                    |

|                           |                     |    |                       |             |                      |             |                   |  |  |  |           |
|---------------------------|---------------------|----|-----------------------|-------------|----------------------|-------------|-------------------|--|--|--|-----------|
| 2                         | Bùi Thị Kiều Vỹ     | 3  | Nguyễn Bùi Mạnh Phúc  | 18/01/2021  | Nguyễn Tấn Hưng      | 212705577   | 1.000.000         |  |  |  | 212707476 |
| 3                         | Nguyễn Thị Yến Nhi  | 7  | Nguyễn Hoàng Thiên Ân | 05/01/20217 | Nguyễn Thái Hoà      | 75089001362 | 1.000.000         |  |  |  | 271969147 |
| 4                         | Lê Tiến Sang        | 10 | Nguyễn Ngọc Minh Hà   | 27/07/2018  | Nguyễn Thái Hoà      | 75089001362 | 1.000.000         |  |  |  | 271969147 |
| 5                         | Hoàng Thị Minh Xuân | 13 | Lê Tiến Phát          | 05/02/2020  | Nguyễn Thị Mai Quỳnh | 272396336   | 1.000.000         |  |  |  | 251265151 |
|                           |                     |    | Nguyễn Ngọc Minh Thuỷ | 10/04/2017  | Nguyễn Ngọc Tuấn     | 271402803   | 1.000.000         |  |  |  | 271726975 |
|                           |                     |    | Trần Trần             | 18/01/2020  | Trần Văn Luân        | 271883085   | 1.000.000         |  |  |  | 271884452 |
| <b>CỘNG II</b>            |                     |    |                       |             |                      |             | <b>7.000.000</b>  |  |  |  |           |
| <b>TỔNG CỘNG (I + II)</b> |                     |    |                       |             |                      |             | <b>31.000.000</b> |  |  |  |           |

**Tổng số tiền hỗ trợ là: 31.000.000 đồng**  
(Ba mươi một triệu đồng chẵn)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LAM ANH

(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT        | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----------|-----------------|---------------------------------|------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|           |                 |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 1         | Nguyễn Thế Tự   | Xưởng sản xuất                  | Xác định thời hạn      | 7410313130 | 01/08/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           |                               |
| 2         | Nguyễn Văn Toàn | Xưởng sản xuất                  | Xác định thời hạn      | 7515140847 | 01/08/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           |                               |
| 3         | Võ Ngọc Thật    | Xưởng sản xuất                  | Xác định thời hạn      | 4700007974 | 01/08/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           |                               |
| TỔNG CỘNG |                 |                                 |                        |            |                                          |                    | 3.000.000                  |                                          |       |           |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 3.000.000 đồng  
(Ba triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

  
Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19  
CỦA CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN ĐÀO TẠO-CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC WIN NEXT**

(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghi không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                     |                       |                                 |                            |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                       |                                 |                            |            |                                          |                    |                            |                                          |       |           |                               |
| 1                                   | TRẦN ANH THU'         | Phòng Tuyển Dụng                | Xác định thời hạn 12 Tháng | 7929306252 | 01/08/2021                               | 30/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 079301024084                  |
| 2                                   | TRẦN THỊ MỸ LỆ        | Phòng Tuyển Dụng                | Xác định thời hạn 12 Tháng | 5221157301 | 01/08/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 215454904                     |
| 3                                   | NGUYỄN THỊ HUỖYỀN ANH | Quản lý dự án                   | Xác định thời hạn 12 Tháng | 5420261895 | 19/07/2021                               | 30/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 221361792                     |
| 4                                   | TRẦN VĂN HƯNG         | Quản lý dự án                   | Xác định thời hạn 12 Tháng | 3621875421 | 19/07/2021                               | 30/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 036097000888                  |
| 5                                   | PHẠM QUANG HẢI        | Quản lý dự án                   | Xác định thời hạn 12 Tháng | 3824683364 | 19/07/2021                               | 30/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 038096005748                  |
| 6                                   | NGUYỄN TRƯỜNG AN      | Quản lý dự án                   | Xác định thời hạn 12 Tháng | 9123832618 | 19/07/2021                               | 30/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 371934789                     |

|                  |                      |               |                            |            |            |            |           |  |  |  |              |
|------------------|----------------------|---------------|----------------------------|------------|------------|------------|-----------|--|--|--|--------------|
| 7                | MAI MINH ĐỨC         | Quản lý dự án | Xác định thời hạn 12 Tháng | 7929162019 | 19/07/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 074093000044 |
| 8                | NGUYỄN THỊ HUYỀN TÂN | Phòng Kế Toán | Xác định thời hạn 12 Tháng | 8222936172 | 19/07/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 |  |  |  | 312347861    |
| <b>CỘNG I</b>    |                      |               |                            |            |            |            |           |  |  |  |              |
| <b>8.000.000</b> |                      |               |                            |            |            |            |           |  |  |  |              |

**Tổng số tiền hỗ trợ là: 8.000.000 đồng**  
**(Tám triệu đồng chẵn)**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI I

(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên          | Phòng, ban, phần xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                             | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-----------------------------|-------------------------------|
|                                     |                    |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                   |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                    |                                 |                         |            |                                          |                    |                            |                                          |               |                             |                               |
| 1                                   | Nguyễn Thị Dương   | P. thí nghiệm                   | Xác định thời hạn       | 7509076825 | 05/08/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Nguyễn Thị Dương                         | 103871098298  | Vietinbank - CN Long An     | 172411320                     |
| 2                                   | Néang Sol          | SPSC An Thái                    | Không xác định thời hạn | 6014011478 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Néang Sol                                | 0621000413311 | Vietcombank - CN Bình Thuận | 352259625                     |
| 3                                   | Lê Thị Ngọc Huyền  | SPSC An Thái                    | Không xác định thời hạn | 6016017336 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Lê Thị Ngọc Huyền                        | 0621000425103 | Vietcombank - CN Bình Thuận | 352196499                     |
| 4                                   | Nguyễn Thảo Nguyễn | SPSL An Linh                    | Xác định thời hạn       | 8415008788 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Nguyễn Thảo Nguyễn                       | 0741000631634 | Vietcombank - CN Trà Vinh   | 365916544                     |
| 5                                   | Chau Hung          | SPSL An Linh                    | Xác định thời hạn       | 7022349555 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Chau Hung                                | 0871004256280 | Vietcombank - CN An Giang   | 351832032                     |
| 6                                   | Néang Nhấp         | SPSL An Linh                    | Xác định thời hạn       | 8923564690 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Néang Nhấp                               | 0871004257049 | Vietcombank - CN An Giang   | 351832108                     |
| 7                                   | Nguyễn Hoàng Sơn   | Kho thuốc                       | Không xác định thời hạn | 8013018472 | 26/07/2021                               | 31/08/2021         | 1.000.000                  | Nguyễn Hoàng Sơn                         | 0631000423180 | Vietcombank - CN Long An    | 271221641                     |
| CỘNG I                              |                    |                                 |                         |            |                                          |                    | 7.000.000                  |                                          |               |                             |                               |

| II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi |                    |                  |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |               |                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------------------------|
| TT                                                                                                                | Họ và tên          | Thứ tự tại mục I | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                 |                                                | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                             |
|                                                                                                                   |                    |                  | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                   |
| 1                                                                                                                 | Néang Sol          | 2                | Chau Vành Na                      | 26/12/2020                     | Chau Som Ny                     | 352259604                                      | 1.000.000      | Néang Sol                                | 0621000413311 | Vietcombank - CN Bình Thuận |
| 2                                                                                                                 | Lê Thị Ngọc Huyền  | 3                | Hồ Thái Nhựt                      | 12/02/2021                     | Hồ Thái Nhân                    | 352137859                                      | 1.000.000      | Lê Thị Ngọc Huyền                        | 0621000425103 | Vietcombank - CN Bình Thuận |
| 3                                                                                                                 | Nguyễn Thảo Nguyên | 4                | Chau Hoài Anh                     | 30/10/2020                     | Chau Hoài Phong                 | 334766576                                      | 1.000.000      | Nguyễn Thảo Nguyên                       | 0741000631634 | Vietcombank - CN Trà Vinh   |
| 4                                                                                                                 | Néang Nhấp         | 6                | Chau Ly Hên                       | 05/04/2017                     | Chau Hung                       | 351832032                                      | 1.000.000      | Néang Nhấp                               | 0871004257049 | Vietcombank - CN An Giang   |
| CỘNG II                                                                                                           |                    |                  |                                   |                                |                                 |                                                | 4.000.000      |                                          |               |                             |
| TỔNG CỘNG (I + II)                                                                                                |                    |                  |                                   |                                |                                 |                                                | 11.000.000     |                                          |               |                             |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 165.000.000 đồng  
(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO**

*(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

| TT                                  | Họ và tên             | Phòng, ban, phần xướng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (dvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                     |                       |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                       |                                 |                         |            |                                           |                    |                            |                                          |       |           |                               |
| 1                                   | Nguyễn Thị Hồng Nhung | Kế toán                         | Không xác định thời hạn | 7513035171 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 215258129                     |
| 2                                   | Mạc Biên Hòa          | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 7510022718 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 271414932                     |
| 3                                   | Nguyễn Tông Trường    | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 4706097364 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 271523883                     |
| 4                                   | Nguyễn Đình Quang     | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 4707002502 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 272508243                     |
| 5                                   | Mai Xuân Lương        | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 0298043244 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 272577386                     |
| 6                                   | Nguyễn Văn Hòa        | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 4707002520 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 276068482                     |
| 7                                   | Ngô Xuân Quang        | Công nhân cơ khí                | Không xác định thời hạn | 7509060934 | 20/07/2021                                | 10/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 186047545                     |

|               |                  |                  |                         |            |            |            |                   |  |  |  |           |
|---------------|------------------|------------------|-------------------------|------------|------------|------------|-------------------|--|--|--|-----------|
| 8             | Hồ Phụng Thanh   | Công nhân cơ khí | Không xác định thời hạn | 7516035678 | 20/07/2021 | 10/09/2021 | 1.000.000         |  |  |  | 352727519 |
| 9             | Nguyễn Đức Thiết | Công nhân cơ khí | Không xác định thời hạn | 4705076331 | 20/07/2021 | 10/09/2021 | 1.000.000         |  |  |  | 271597680 |
| 10            | Thái Văn Cường   | Công nhân cơ khí | Không xác định thời hạn | 4707002491 | 20/07/2021 | 10/09/2021 | 1.000.000         |  |  |  | 182526198 |
| 11            | Huỳnh Văn Thanh  | Công nhân cơ khí | Không xác định thời hạn | 7515048484 | 20/07/2021 | 10/09/2021 | 1.000.000         |  |  |  | 340816469 |
| 12            | Bùi Đình Nhân    | Công nhân cơ khí | Xác định thời hạn       | 4707028443 | 20/07/2021 | 10/09/2021 | 1.000.000         |  |  |  | 272536603 |
| <b>CỘNG I</b> |                  |                  |                         |            |            |            | <b>12.000.000</b> |  |  |  |           |

**Tổng số tiền hỗ trợ là: 12.000.000 đồng**  
**(Mười hai triệu đồng chẵn)**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH METENCNO (VIỆT NAM)

(Kèm theo Quyết định số 4068 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|-----------------|---------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                     |                 |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                 |                                 |                         |            |                                          |                    |                            |                                          |       |           |                               |
| 1                                   | Hồ Sỹ Thái      | Công nhân sản xuất              | Không xác định thời hạn | 4798102115 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 271183573                     |
| 2                                   | Lê Trọng Nghĩa  | Công nhân sản xuất              | Không xác định thời hạn | 7515011837 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 075086000496                  |
| 3                                   | Trương Tấn Luân | Công nhân sản xuất              | Không xác định thời hạn | 7516095702 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 271577669                     |
| 4                                   | Nguyễn Văn An   | Công nhân sản xuất              | Xác định thời hạn       | 7409191177 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 351181246                     |
| 5                                   | Đoàn Văn Tuấn   | Lái xe                          | Không xác định thời hạn | 4700012866 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 082070000291                  |
| 6                                   | Châu Ngọc Hiếu  | Lái xe                          | Không xác định thời hạn | 7932099938 | 12/08/2021                               | 17/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |       |           | 079086000985                  |

| CỘNG I                                                                                                            |                |                  |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|------------------------------|--|--|--|--|
| II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi |                |                  |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
| TT                                                                                                                | Họ và tên      | Thứ tự tại mục I | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                 |                                                | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMT/thẻ căn cước công dân |  |  |  |  |
|                                                                                                                   |                |                  | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                              |  |  |  |  |
| 1                                                                                                                 | Lê Trọng Nghĩa | 2                | LÊ HẢI NAM                        | 09/09/2019                     | VỊ THỊ HÀ                       | 186640646                                      | 1.000.000      |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
| 2                                                                                                                 | Châu Ngọc Hiếu | 6                | CHÂU NHÃ HÂN                      | 20/03/2017                     | NGUYỄN THỊ CẨM CHÚC             | 321171199                                      | 1.000.000      |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
|                                                                                                                   |                | 6                |                                   | 09/08/2021                     | NGUYỄN THỊ CẨM CHÚC             | 321171199                                      | 1.000.000      |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
| CỘNG II                                                                                                           |                |                  |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |
| TỔNG CỘNG ( I + II)                                                                                               |                |                  |                                   |                                |                                 |                                                |                |                                          |       |           |                              |  |  |  |  |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 9.000.000 đồng  
(Chín triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng